TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh L.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn V.
2. Bà Hoàng Hải Y.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Trường Th - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai, trực tiếp vụ án thụ lý số: 831/2023/TLST- HNGĐ ngày 11/10/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2024 của Tòa án Nhân dân thành phố Huế giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Trần Thị Minh Th, sinh năm 1979.

- ***Bị đơn***: Ông Lê B, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn Mậu Tài, xã Phú Mậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2023, bản tự khai, quá trình hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Minh Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh Th và ông Lê B sau thời gian quen biết đã tiến hành đăng ký kết hôn ngày 13/3/1999 tại Ủy ban Nhân dân xã Phú Mậu, huyện Phú Vang (Nay là xã Phú Mậu, thành phố Huế), tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại nhà cha mẹ ông Lê B một thời gian; sau đó xây dựng nhà riêng tại thôn Mậu Tài, xã Phú Mậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc và sinh được 02 người con chung. Sau một thời gian sinh sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn liên

quan đến sinh hoạt, ăn uống chung trong gia đình; nhưng vợ chồng vẫn thông cảm bỏ qua để nuôi con chung đến tuổi trưởng thành.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng vào năm 2013; theo bà Trần Thị Minh Th thì ông Lê B có nghề nghiệp thợ nề không ổn định; thường xuyên ăn nhậu, không làm chủ được bản thân, có tính gia trưởng, đánh đập, đe doạ tính mạng bà Trần Thị Minh Th, đập phá tài sản trong gia đình. Bà Trần Thị Minh Th không chịu nổi nên nộp đơn ly hôn một lần; sau đó vào Thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn. Tuy nhiên, sau một thời gian vì bà Trần Thị Minh Th nhớ con nên quay lại sống chung trong nhà thì ông Lê B tiếp tục đe doạ tính mạng bà Trần Thị Minh Th. Bà Trần Thị Minh Th là lao động chính trong nhà, phải làm việc nhiều nơi để nuôi sống gia đình, nhưng ông Lê B còn ghen tuông vô cớ. Sau đó bà Trần Thị Minh Th về nhà cha mẹ đẻ của mình để sinh sống cho đến nay; không ai còn quan tâm, bỏ mặc nhau trong cuộc sống nên bà Trần Thị Minh Th yêu cầu được ly hôn với ông Lê B để mỗi người sớm có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Quang S, sinh ngày 15/5/1999 và Lê Quang V, sinh ngày 25/02/2007. Hiện nay người con chung tên Lê Quang S đã trưởng thành nên bà Trần Thị Minh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với người con chung tên Lê Quang V thì sau khi ly hôn bà Trần Thị Minh Th đồng ý giao cho ông Lê B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) theo nguyện vọng của con. Bà Trần Thị Minh Th không đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung tên Lê Quang V vì kinh tế chưa ổn định, nhưng bà Trần Thị Minh Th vẫn có trách nhiệm đối với các con của mình.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Minh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ tài sản chung: Bà Trần Thị Minh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2023, quá trình hoà giải và tại phiên toà, bị đơn ông Lê B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, quen biết nhau, đăng ký kết hôn và nơi sinh sống cho đến nay thì ông Lê B đồng ý với trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Minh Th. Ông Lê B cũng thừa nhận vợ chồng có thời gian sinh sống hạnh phúc và sinh được 02 người con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì ông Lê B cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày; ông Lê B không đánh đập hoặc đe doạ tính mạng bà Trần Thị Minh Th. Tuy nhiên, thời gian gần đây khi bà Trần Thị Minh Th đi làm việc ở thành phố Huế thì ông Lê B nghi ngờ bà Trần Thị Minh Th có những hành vi không đúng với chồng như nhắn tin, nhận điện thoại của người khác, đi ăn chơi qua đêm nhiều lần mà nói dối chồng là vì công việc; hơn 4 tháng nay không quan tâm đến cuộc sống chồng con. Tuy nhiên, ông Lê B vẫn mong muốn bà Trần Thị Minh Th trở về đoàn tụ gia đình để nuôi con chung trưởng thành nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Quang S, sinh ngày 15/5/1999 và Lê Quang V, sinh ngày 25/02/2007. Hiện nay người con chung tên Lê Quang S đã trưởng thành nên ông Lê B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối

với người con chung tên Lê Quang V nếu phải ly hôn thì ông Lê B sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Ông Lê B không yêu cầu bà Trần Thị Minh Th đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung tên Lê Quang V hàng tháng vì kinh tế chưa ổn định; ông Lê B có đủ khả năng để nuôi con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông Lê B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ tài sản chung: Ông Lê B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm*:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và đương sự thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh Th; bà Trần Thị Minh Th được ly hôn với ông Lê B.

-Về con chung: Giao người con chung tên Lê Quang V, sinh ngày 25/02/2007 cho ông Lê B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà Trần Thị Minh Th không đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung tên Lê Quang V.

Đối với người con chung Lê Quang S đã trưởng thành (Đủ 18 tuổi) nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Minh Th phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Minh Th làm đơn khởi kiện ông Lê B cư trú tại xã Phú Mậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê B và bà Trần Thị Minh Th sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/3/1999 tại Ủy ban Nhân dân xã Phú Mậu, huyện Phú Vang (Nay là xã Phú Mậu, thành phố Huế), tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng sinh sống hạnh phúc và có 02 người con chung. Sau một thời gian sinh sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do

nhiều nguyên nhân như vợ chồng có quan điểm sống khác nhau; mâu thuẫn trong sinh hoạt chi tiêu của gia đình và nhất là vợ chồng sống nhưng không tin tưởng nhau; ông Lê B không tin tưởng vào sự chung thuỷ của bà Trần Thị Minh Th, nhưng bà Trần Thị Minh Th không thừa nhận. Ông Lê B muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình, nhưng không có thiện chí, biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng.

Qua lời khai của bà Trần Thị Minh Th, ông Lê B và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh Th được ly hôn với ông Lê B theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Hiện nay người con chung tên Lê Quang S, sinh ngày 15/5/1999 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với người con chung tên Lê Quang V, sinh ngày 25/02/2007 chưa đến tuổi trưởng thành, đang sống với ông Lê B nên tiếp tục giao cho ông Lê B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà Trần Thị Minh Th không đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung tên Lê Quang V.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Minh Th phải chịu 300.000 đồng.

[3] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Huế phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh Th; bà Trần Thị Minh Th được ly hôn với ông Lê B.

2. Về con chung:

- Giao người con chung tên Lê Quang V, sinh ngày 25/02/2007 cho ông Lê B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà Trần Thị Minh Th không đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung tên Lê Quang V.

- Đối với người con chung Lê Quang S đã trưởng thành (Đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Minh Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001053 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Trần Thị Minh Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TpHuế;
- Chi cục THADS TpHuế;
- UBND xã Phú Mậu, tp Huế;
(Đăng ký kết hôn ngày 13/3/1999);
- Đương sự;
- Lưu Toà dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh L